

Số: 41/QĐ-UBND

Hà Tiên, ngày 11 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của thành phố Hà Tiên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước 2023 đối với các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 330/TTr-TCKH ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Tiên (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố và Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- KBNN Hà Tiên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Đức Chính

Phụ lục I
CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Hà Tiên)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		So sánh	
		Tỉnh giao	Thành phố giao	Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	5=2/1
A	THU NS THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	719.155	729.255	10.100	101,40
I	Thu cân đối ngân sách thành phố	360.700	370.800	10.100	102,80
1	Thu được hưởng 100%	4.900	5.000	100	102,04
	- Phí môn bài		1.100		
	- Phí, lệ phí		2.100		
	- Thu khác		1.500		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	300		
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	355.800	365.800	10.000	102,81
a	Thu tiền sử dụng đất	300.000	310.000	10.000	103,33
	Thu tiền sử dụng đất các dự án tái định cư		10.000		
	Thu tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%)	300.000	300.000		
b	Thuế VAT, TNDN	38.500	38.500		
c	Lệ phí trước bạ	17.300	17.300		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	358.455	358.455	-	100,00
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	183.792	183.792	-	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	174.663	174.663	-	100,00
	Bổ sung vốn đầu tư công	140.556	140.556	-	
	Bổ sung mục tiêu khác	34.107	34.107	-	100,00
III	Thu chuyển nguồn		-	-	
IV	Thu kết dư		-	-	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	719.155	729.255	10.100	101,40
I	Tổng chi NS cấp thành phố	674.433	684.533	10.100	101,50
1	Chi đầu tư phát triển	440.556	450.556	10.000	102,27
	Chi đầu tư từ thu tiền SDD tỉnh giao	300.000	300.000	-	100,00
	Chi đầu tư thành phố giao bổ sung (bao gồm thu tiền SDD từ các dự án tái định cư)		10.000	10.000	
	Chi đầu tư nguồn vốn NSTW, NS tỉnh bổ sung trong năm	140.556	140.556	-	
2	Chi thường xuyên	229.291	229.391	100	100,04
3	Dự phòng ngân sách	4.586	4.586	-	100,00
4	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	-	
5	Chi chuyển nguồn	-	-	-	
6	Chi kết dư ngân sách	-	-	-	
II	Chi NS cấp xã	44.722	44.722	-	100,00
C	CÂN ĐỐI NSDP	-	-	-	

Phụ lục II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Hà Tiên)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	
		Tổng số	Thu nội địa
A	B	1	2
1	Phường Tô Châu	5.090	5.090
2	Phường Đông Hồ	7.140	7.140
3	Phường Pháo Đài	26.760	26.760
4	Phường Bình San	8.765	8.765
5	Phường Mỹ Đức	4.540	4.540
6	Xã Thuận Yên	4.255	4.255
7	Xã Tiên Hải	715	715
	Tổng cộng	57.265	57.265

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Hà Tiên)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		HDND tỉnh giao	Thành phố điều chỉnh	Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	3	4 = 3-2	5=3/2
	TỔNG CHI	719.155	729.255	10.100	101,40
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	674.433	684.533	10.100	101,50
I	Chi đầu tư phát triển	440.556	450.556	10.000	102,27
1	Chi đầu tư từ thu tiền SDD tỉnh giao	300.000	300.000	-	100,00
2	Chi đầu tư thành phố giao bổ sung (bao gồm thu tiền SDD từ các dự án tái định cư)	-	10.000	10.000	
3	Chi đầu tư nguồn vốn NSTW, NS tỉnh bổ sung trong năm	140.556	140.556	-	
II	Chi thường xuyên	229.291	229.391	100	100,04
1	Sự nghiệp kinh tế		39.697		
	<i>Trong đó: KP thực hiện nâng cấp đô thị, thị chính, trồng và chăm sóc cây xanh; thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo trì, sửa chữa, đầu tư các công trình giao thông (BSMT)</i>		8.800		
2	Sự nghiệp môi trường		35.886		
	<i>Trong đó: tỉnh bổ sung mục tiêu</i>		9.000		
3	Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	82.340	82.340	-	100,00
4	Sự nghiệp y tế		23.000		
	<i>Trong đó: tỉnh bổ sung mục tiêu</i>		10.150		
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin		2.451		
6	Sự nghiệp phát thanh truyền hình		415		
7	Sự nghiệp thể dục thể thao		295		
8	Chi sự nghiệp khác		636		
9	Chi đảm bảo xã hội; chi chúc thọ, mừng thọ		7.989		
	<i>Trong đó: Chế độ BHXH theo ND 20/2021/NĐ-CP (BSMT)</i>		6.157		
10	Chi quản lý hành chính		31.098		
11	Chi ANQP		2.584		
12	Chi khác		3.000		
III	Dự phòng ngân sách	4.586	4.586	-	100,00
IV	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		-	-	
V	CHI CHUYỂN NGUỒN		-	-	
VI	CHI KẾT DƯ		-	-	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	44.722	44.722	-	100,00

Phụ lục IV

ĐỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Hà Tiên)

STT	NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	Trong đó												
			Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp thể thao	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	Đảm bảo xã hội	Chi quản lý hành chính	Chi quốc phòng an ninh	Chi SN môi trường, kiến thiết thị chính	Chi khác ngân sách	Sự nghiệp khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng	229.391	39.697	82.340	23.000	-	2.451	295	415	7.989	31.098	2.584	35.886	3.000	636
I	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐOÀN THỂ	107.156	3.686	74.310	-	-	100	50	20	7.989	19.901	-	300	800	-
1	Văn phòng HĐND-UBND	6.722									6.722				
	Trong đó:	-													
	Chi đặc thù của Thường trực UBND	2.800									2.800				
	Chi đặc thù của Thường trực HĐND	600									600				
2	Phòng Tư pháp	606									606				
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.403									1.403				
4	Phòng Quản lý đô thị	849									849				
5	Phòng Kinh tế	3.798	2.800								998				
	Trong đó:	-													
	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo ND35	500	500												
	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	2.000	2.000												
	Kinh phí thực hiện sản phẩm OCOP	100	100												
6	Phòng Giáo dục - Đào tạo	74.939		73.910							1.029				
7	Phòng Lao động TBXH	8.720								7.989	731				
	Trong đó:	-													
	Chi đảm bảo xã hội, mừng thọ, chúc thọ, BHYT theo QĐ 62,290	1.780								1.780					
	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	52								52					
	Bảo trợ xã hội theo NQ20/2021	6.157								6.157					
8	Phòng Văn hóa - Thông tin	722									722				
9	Phòng Tài nguyên - MT	2.106	886								920		300		
	Trong đó: KP lập kế hoạch sử dụng đất 2024	886	886												
10	Phòng Nội vụ	2.023		400							823			800	
	Trong đó:	-													
	Chi khen thưởng	1.200		400										800	
11	Thanh tra	786									786				

Phụ lục V
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI
TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Hà Tiên)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Trong đó		Số bổ sung cân đối từ NS cấp trên	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia		
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6
1	Phường Tô Châu	5.090	769	110	659	4.882	5.651
2	Phường Đông Hồ	7.140	1.108	150	958	6.465	7.573
3	Phường Pháo Đài	26.760	3.432	195	3.237	1.985	5.417
4	Phường Bình San	8.765	1.647	390	1.257	4.576	6.223
5	Phường Mỹ Đức	4.540	905	160	745	7.062	7.967
6	Xã Thuận Yên	4.255	757	130	627	5.341	6.098
7	Xã Tiên Hải	715	157	30	127	5.636	5.793
	Tổng cộng	57.265	8.775	1.165	7.610	35.947	44.722

Phụ lục VI

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Hà Tiên)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng ngân sách
A	B	1=2+3+4	2	3	4
1	Phường Tô Châu	5.651		5.540	111
2	Phường Đông Hồ	7.571		7.425	146
3	Phường Pháo Đài	5.418		5.311	107
4	Phường Bình San	6.224		6.101	123
5	Phường Mỹ Đức	7.967		7.811	156
6	Xã Thuận Yên	6.098		5.978	120
7	Xã Tiên Hải	5.793		5.679	114
	Tổng cộng	44.722		43.845	877